

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



**BOURBON**  
**TAY NINH**

*Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị*

*Khai phá tiềm năng,...*



## mục lục

### A. TỔNG QUAN SBT

- 6 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 8 Thông tin công ty
- 12 Quá trình phát triển
- 16 Tổ chức - Nhân sự
- 20 Thông tin cổ đông
- 22 Thành tích - Sự kiện nổi bật

## B. BÁO CÁO

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 26

Báo cáo của Hội đồng quản trị 34

Báo cáo của Ban kiểm soát 38

## C. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Báo cáo của Hội đồng quản trị 47

Báo cáo tài chính đã kiểm toán 50

Thuyết minh báo cáo tài chính 57



*Bà Huỳnh Bích Ngọc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị*

## **Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Thưa Quý cổ đông,

Năm 2010 đánh dấu một sự thay đổi lớn của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (SBT) sau hơn 15 năm hình thành và phát triển. Đó là sự chuyển giao lịch sử giữa nhà đầu tư của tập đoàn Bourbon đến từ nước Pháp sang những nhà đầu tư trong nước. Năm 2010 cũng ghi nhận kết quả kinh doanh rất khả quan của SBT khi lần đầu tiên doanh thu thuần vượt trên 1.000 tỷ đồng. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận ròng đều vượt mức kế hoạch đề ra và tăng trưởng so với những năm trước. Lợi nhuận ròng đạt 133% so với kế hoạch, tăng 64% so với năm 2009. Bên cạnh đó, trong vụ sản xuất 2010-2011, nhà máy đã đưa vào sản xuất hơn 920.000 tấn mía cây, đây là sản lượng mía ép cao nhất từ trước đến nay và 20.000 tấn đường thô để sản xuất ra hơn 100.000 tấn đường tinh luyện RE cung cấp cho nhu cầu thị trường.

Những thành quả ấn tượng trên là kết tinh của rất nhiều yếu tố, bao gồm cả một đội ngũ nhân sự đầy nhiệt huyết, chuyên nghiệp; một nhà máy hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á, hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất tiên tiến và hoàn toàn tự động theo tiêu chuẩn Châu Âu; kể đến chính là sự ủng hộ của bà con nông dân, khách hàng, đối tác, cổ đông và đặc biệt là Công ty luôn nhận được sự ủng hộ quan tâm từ các cấp chính quyền địa phương tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, kết quả trên cũng một phần nhờ vào những thuận lợi khách quan đối với lĩnh vực kinh doanh mía đường trong năm qua.

Để luôn giữ được sự tăng trưởng ổn định trước những áp lực từ cạnh tranh và những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên luôn ý thức trước những thách thức mà Công ty phải vượt qua. Khai thác tối đa những nguồn lực hiện có, tập trung duy trì và mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất và chất lượng cây mía để nâng công suất nhà máy lên 9.000 tấn mía/ngày trong vụ sản xuất 2011 -2012 và tiến đến nâng công suất nhà máy lên 14.000 – 16.000 tấn mía/ngày trong tương lai. Đây là mục tiêu cốt lõi của Công ty để sản xuất ra những hạt đường tinh luyện chất lượng cao bên cạnh các dự án đầu tư khác hứa hẹn mang lại hiệu quả lâu dài.

Kế thừa và phát huy những thành quả đã đạt được và với những nguồn lực hiện hữu tôi tin rằng SBT sẽ phát triển ổn định, bền vững, trở thành một trong những công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, chân thành cảm ơn Quý cơ quan ban ngành đã luôn quan tâm và hỗ trợ, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý bà con nông dân về sự hợp tác, Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi. Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và đạt được những thành công mới trong cuộc sống.

Trân trọng,  
Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh  
Chủ tịch

Huỳnh Bích Ngọc

## **TÂM NHÌN**

**Trở thành công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực**

## **SỨ MẠNG**

**Cung cấp đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu**

## **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

**Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu**

**Nhân viên là tài sản**

**Nông dân là bạn đồng hành**

**Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng**

**Luôn là người tiên phong**



# Thông tin công ty



## 1. THÀNH LẬP

- Khi mới thành lập, Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.
- Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22 tháng 5 năm 2000, kể từ năm 2000, Công ty đã được chấp thuận chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, tỉnh Réunion, Cộng hòa Pháp thành lập.
- Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23 tháng 3 năm 2007, điều chỉnh lần thứ 7 ngày 31 tháng 12 năm 2010, theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 1.419.258.000.000 VND, bao gồm 141.925.800 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

## 2. NIÊM YẾT

- Ngày 25/02/2008 Công ty niêm yết 44.824.172 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành. Mã chứng khoán : SBT.

## 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đường tinh luyện;
- Đầu tư trồng và phát triển mía;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm từ đường;
- Sản xuất điện thương phẩm từ bã mía hoặc than đá;
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng;
- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn.



#### 4. SẢN PHẨM

Đường tinh luyện cao cấp theo tiêu chuẩn Châu Âu là sản phẩm chính của SBT. Ngoài ra, phụ phẩm mật rỉ được bán cho các doanh nghiệp sản xuất cồn, bột ngọt; Bã bùn, tro lò để sản xuất phân hữu cơ, cung cấp cho nông dân bón mía. Đặc biệt SBT bán điện thương phẩm cho tập đoàn Điện lực Việt Nam, được sản xuất từ nhiệt lượng đốt bã mía.

Nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường, SBT cho ra 2 dòng sản phẩm đường khác nhau :

- Đường tinh luyện thượng hạng thương hiệu BonSu loại túi 1kg với tính năng SIÊU SẠCH, đem lại sự an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của người tiêu dùng. Hiện nay, đường BonSu có mặt tại hầu hết các siêu thị và cửa hàng tại các tỉnh thành lớn trong nước.
- Đường tinh luyện thương hiệu Mimosa loại bao 50kg phục vụ cho nhóm khách hàng công nghiệp, là nguyên liệu cho ngành dược phẩm, nước giải khát và thực phẩm chế biến cao cấp.

## ĐIỂM NỔI BẬT CỦA ĐƯỜNG BOURBON SO VỚI ĐƯỜNG KHÁC

Đạt tiêu chuẩn Châu Âu

Độ tinh khiết cực cao

Không vi khuẩn

Làm trắng bằng phương pháp vật lý tự nhiên, không hóa chất

*Duy nhất Bourbon Tây ninh có khả năng sản xuất 100% đường tinh luyện thượng hạng trực tiếp từ mía*

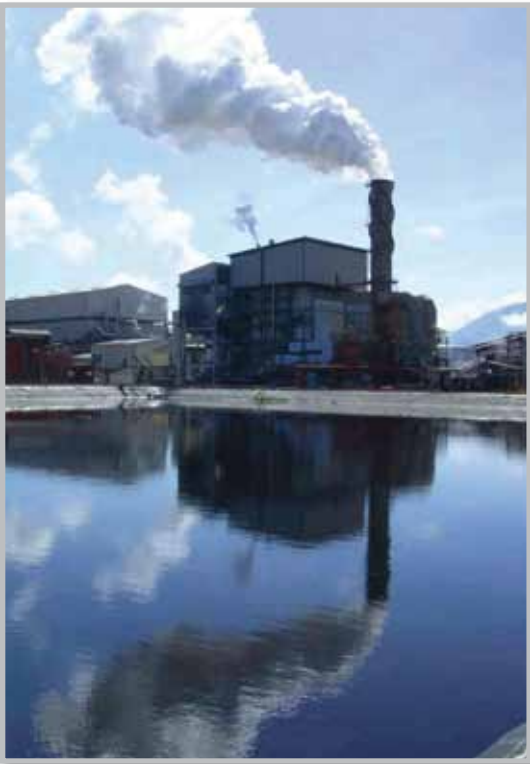




## Quá trình phát triển



## 1. NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG



- 07/1995 Nhận giấy phép đầu tư, thành lập liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon, Tổng công ty mía đường II và Công ty mía đường Tây Ninh
- 11/1995 Khởi công xây dựng nhà máy
- 10/1997 Đưa nhà máy vào chạy thử
- 01/1998 Vào vụ sản xuất đầu tiên
- 02/1999 Lễ khánh thành khai trương hoạt động của Nhà máy
- 01/2000 Điện thương phẩm của nhà máy hòa vào mạng lưới điện Quốc Gia
- 05/2000 Chuyển sang công ty 100% vốn nước ngoài
- 11/2003 Đạt chứng chỉ ISO 9001:2000
- 03/2007 Chuyển sang công ty cổ phần
- 04/2007 Ký hợp đồng với 17 đối tác chiến lược

- 11/2007 Được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thành lập khu công nghiệp An Hòa
- 12/2007 Thuê đất xây dựng Trung tâm Thương Mại
- 02/2008 Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM
- 06/2009 Đưa sản phẩm đường tinh luyện thượng hạng thương hiệu BonSu với tính năng Siêu Sạch ra thị trường
- 10/2009 Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa



- 02/2010 Đạt chứng nhận ISO 9001:2008
- 11/2010 Tập đoàn Bourbon chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu tại SBT cho đối tác Việt Nam
- 12/2010 SBT nhận giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 7, đổi tên người đại diện theo Pháp luật



## 2. HOẠT ĐỘNG CỐT LÕI

Từ khi thành lập đến nay, hoạt động cốt lõi của SBT vẫn là ngành mía đường. Kế thừa 60 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất đường tại Pháp của Tập đoàn Bourbon – sáng lập viên, SBT sở hữu nhà máy hiện đại nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á với công nghệ Châu Âu. Duy nhất Bourbon Tây Ninh có thể sản xuất trực tiếp đường tinh luyện từ mía tại Việt Nam.

## 3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với SBT sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện luôn là ngành chính và là hoạt động cốt lõi, vì vậy, công ty luôn xác định định hướng phát triển là duy trì vùng nguyên liệu mía đang có, mở rộng diện tích mía, từng bước nâng công suất nhà máy lên 9.000 tấn mía/ngày trong vụ sản xuất 2011-2012 và nâng công suất lên 16.000 tấn mía/ngày khi vùng nguyên liệu mía đáp ứng được yêu cầu. Trong định hướng dài hạn, SBT sẽ tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm đường đang có và triển khai các dự án đầu tư khác mang lại hiệu quả cao.

## 4. ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM & MỞ RỘNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Đáp ứng nhu cầu thị trường, năm 2009 SBT đã mang đến người tiêu dùng sản phẩm đường tinh luyện với tính năng siêu sạch: không chất tẩy trắng, không hóa chất, không vi khuẩn. Hiện nay, SBT tiếp tục nghiên cứu và đa dạng hóa sản phẩm, mang đến cho người tiêu dùng sản phẩm đường vàng thiên nhiên và đường tinh luyện cực tinh khiết theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Bên cạnh hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông năm 2008, SBT mở rộng sang lĩnh vực xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và các công trình dân dụng, kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn.

## Từ khi thành lập đến nay, hoạt động cốt lõi của SBT vẫn là ngành mía đường

### Vườn Công nghiệp Bourbon An Hoà

Công ty cổ phần Bourbon An Hoà (BAC) có tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng. Trong đó SBT chiếm 49%, Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công 11%, Công ty cổ phần Việt Âu 11%, Công ty cổ phần Long Hậu 25%, còn lại là cổ đông khác (Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt, cổ đông là nhân viên BAC, cổ đông khác). Tổng diện tích của khu công nghiệp là 1.020ha, tọa lạc tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, giáp ranh huyện Củ Chi TPHCM. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam. Hiện nay đang trong giai đoạn vừa xây dựng vừa khai thác.



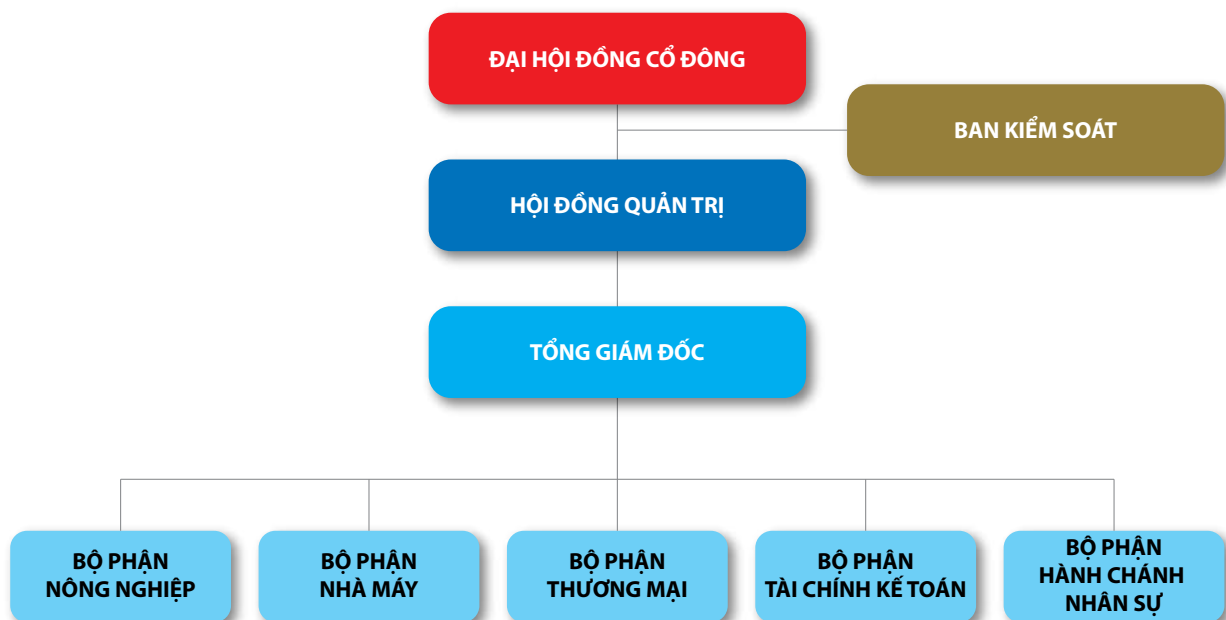
### Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh

Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh là khu thương mại phức hợp tọa lạc tại trung tâm thị xã Tây Ninh do SBT là chủ đầu tư với tổng diện tích toàn khu 14.742 m<sup>2</sup>. Theo kế hoạch dự kiến, công trình sẽ khởi công vào khoảng tháng 08/2011. Dự án được phân kỳ đầu tư theo 2 giai đoạn: giai đoạn 1 xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, trung tâm hội nghị, tiệc cưới; giai đoạn 2, xây dựng căn hộ cho thuê, khách sạn cao tầng, SBT sẽ triển khai thực hiện phân kỳ 2 của dự án tùy theo điều kiện thực tế.



# TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

## 5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



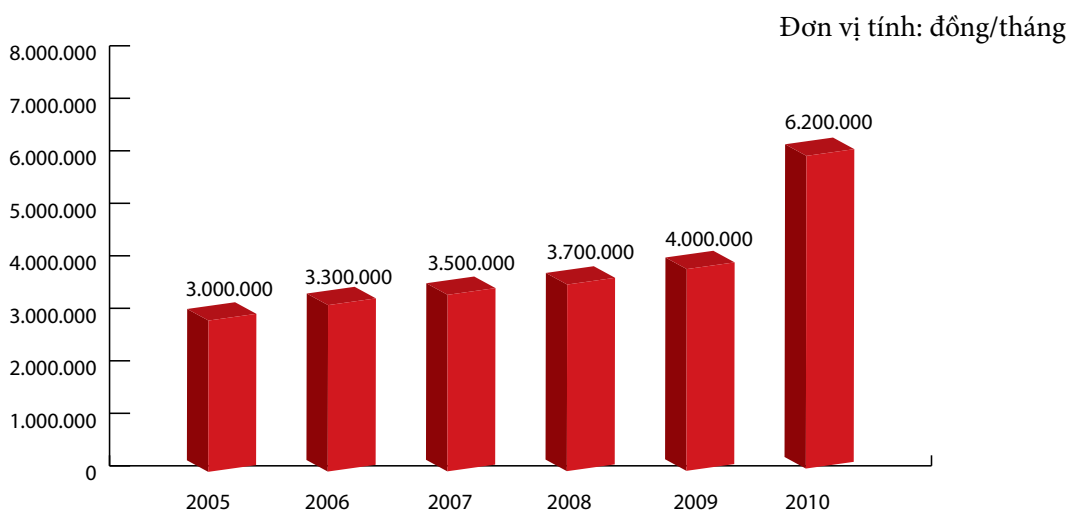


## Con người là tài sản quý nhất tạo nên thành công của Bourbon Tây Ninh

### 6. NHÂN SỰ

Con người là tài sản quý nhất tạo nên thành công của Bourbon Tây Ninh, do đó việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Sau 15 năm hoạt động, công ty đã quy tụ được đội ngũ nhân sự lâu năm và giàu kinh nghiệm. Trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác, đội ngũ kỹ sư, công nhân của nhà máy đã hoàn toàn làm chủ được công nghệ mà trước đây do những chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Theo định hướng phát triển của Công ty, nhân sự SBT sẽ tiếp tục được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, gia tăng chất lượng và số lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh trong các niên vụ tiếp theo.

#### Thu nhập bình quân của người lao động



## 7. THAY ĐỔI NHÂN SỰ CẤP CAO TRONG NĂM



### Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT

Khởi nghiệp với Cơ sở sản xuất Cồn Thành Công từ năm 1980, sau thời gian hoạt động, Bà đã phát triển Cơ sở Cồn Thành Công thành Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công. Đến ngày 28/7/2007, Công ty Thành Thành Công đã chuyển sang hoạt động ở một mô hình mới - mô hình công ty cổ phần với tên gọi: Công ty cổ phần SX – TM Thành Thành Công. Hiện nay, Bà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công và là Chủ tịch HĐQT của SBT.

### Tổng giám đốc điều hành

Ông Nguyễn Bá Chủ - Tổng giám đốc SBT

Là Cử nhân kinh tế công nghiệp trường Đại học kinh tế TP HCM. Bắt đầu làm việc tại Công ty đường Bình Dương từ năm 1987, đến nay ông đã hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã từng tham gia nhiều khóa đào tạo quản lý cấp cao trong và ngoài nước, đặc biệt các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý sản xuất trong ngành mía đường.. Ông đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công. Hiện nay, ông giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (SBT).



## Danh sách thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành hiện nay

### Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007-2011

Thành viên	Chức vụ	Thời gian nhậm chức
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch	Bầu từ tháng 12/2010
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch	Từ năm 2007
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	Từ năm 2007
Ông Philippe LOMBARD	Thành viên	Từ năm 2007
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Thành viên	Bổ nhiệm từ tháng 12/2010
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm từ tháng 12/2010

### Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2007-2011

Thành viên	Chức vụ	Thời gian nhậm chức
Ông Khổng Văn Minh	Trưởng ban	Từ năm 2007
Ông Võ Văn Hai	Thành viên	Từ năm 2007
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ năm 2007

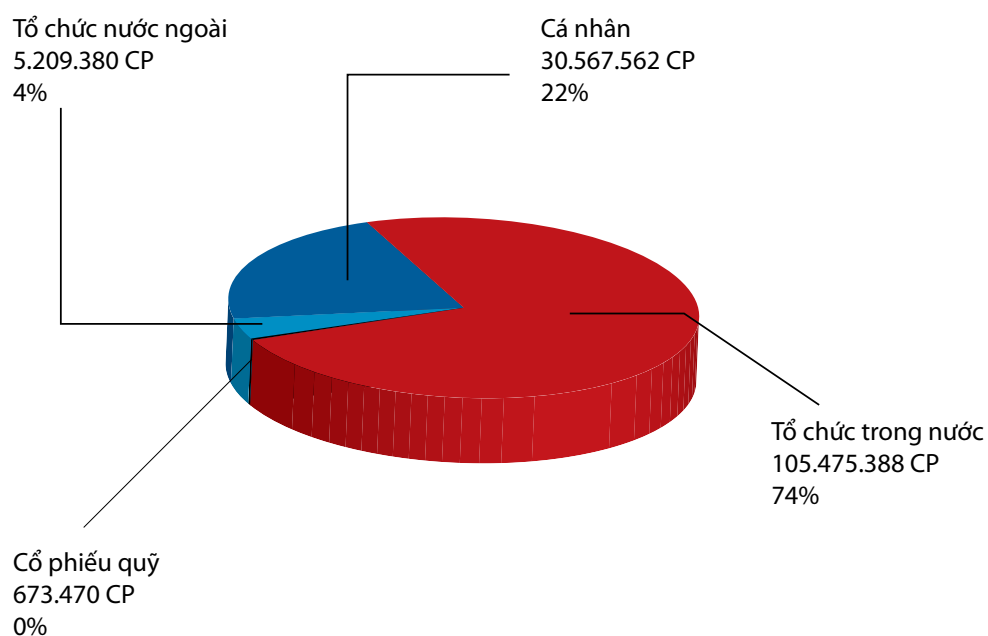
### Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng giám đốc
Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp
Ông Phạm Hồng Dương	Giám đốc Nhà máy
Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương mại
Bà Trương Thị Hồng	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Thị Thuý Tiên	Kế toán trưởng

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

## 8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/02/2011





### Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu phát hành

STT	Cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thành Thành Công	0301466073	35.247.600	24,8%
2	Công ty TNHH Đặng Thành	0303125287	35.055.670	24,7%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	22/GCNTVLK-1	20.000.000	14,1%
4	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam	0300588569	7.096.290	5,0%

# THÀNH TÍCH - SỰ KIỆN NỔI BẬT

## 9. SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM

Tháng 11 năm 2010, Tập đoàn Bourbon – Cộng hòa Pháp sáng lập viên của SBT đã thoái vốn, chính thức chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu tại SBT cho đối tác Việt Nam. SBT đã chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần trong nước

## 10. HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI, TỪ THIỆN TRONG NĂM

Năm 2010, SBT đã đóng góp 74 tỷ cho ngân sách của Tỉnh, tham gia nhiều chương trình từ thiện, hoạt động xã hội: tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho trại trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, viện dưỡng lão... trên địa bàn Tỉnh; đóng góp ủng hộ 2 tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo của Tỉnh nhà, Quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bão lụt, ...SBT đặc biệt quan tâm đến thế hệ thanh thiếu niên – thế hệ kế thừa tương lai. Hàng năm, công ty trích ngân sách hỗ trợ học bổng bằng hiện kim hoặc xe đạp cho các em học sinh nghèo, hiếu học, đặc biệt tại các vùng nguyên liệu của SBT; Tổ chức các buổi vui chơi trung thu cho trẻ em nghèo ở các xã. Đặc biệt, SBT hỗ trợ “quỹ hỗ trợ nông dân xóa đói giảm nghèo” tại xã, huyện trong vùng nguyên liệu.

## CÁC CON SỐ NỔI BẬT TRONG NĂM 2010 VÀ NIÊN VỤ 2010-2011

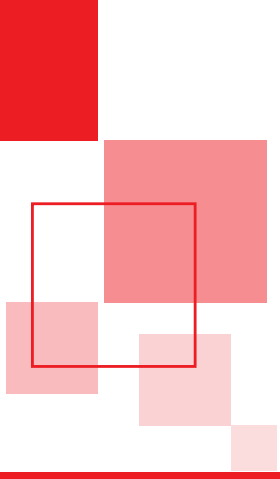
<b>9.000 Tấn mía/ngày</b>	Công suất kỷ lục của nhà máy từ khi thành lập đến nay
<b>20.000 Tấn</b>	Sản lượng đường thô luyện trong vụ 2010-2011
<b>920.000 Tấn</b>	Sản lượng mía ép trong vụ 2010-2011
<b>100.000 Tấn</b>	Tổng sản lượng đường sản xuất trong vụ 2010-2011
<b>1.106 Tỷ đồng</b>	Doanh thu năm 2010



*... gia tăng giá trị*







# Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



## I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2010, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó dưới sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Tổng sản lượng mía ép 598.499 tấn đạt 105% so với kế hoạch. Đường thô nguyên liệu 6.234 tấn đạt 125% so kế hoạch; đường RE tiêu thụ 59.268 tấn đạt 104% so kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng doanh thu đạt 1.106 tỷ đồng.

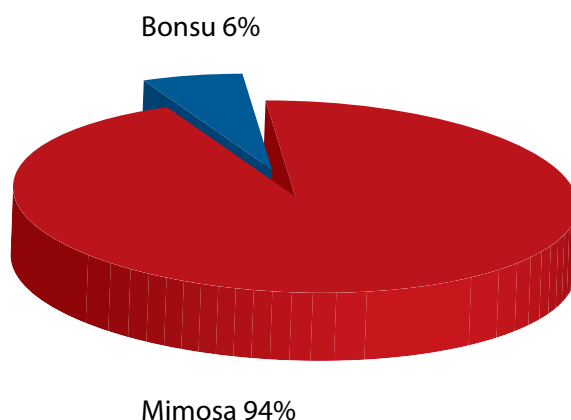
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2009:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Sản lượng mía ép	tấn	≥ 570.000	598.449	105%
2	Sản lượng đường thô nguyên liệu	tấn	≥ 5.000	6.234	125%
3	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	57.000	59.268	104%
4	Tổng doanh thu (bao gồm phụ phẩm)	triệu đồng	936.671	1.105.797	118%
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	277.242	370.360	134%
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	260.472	345.232	133%

Năm 2010, sản phẩm đường tinh luyện RE thương hiệu Mimosa vẫn là sản phẩm chủ lực trong cơ cấu doanh số, phục vụ cho đối tượng khách hàng công nghiệp, nhà chế biến thực phẩm, nước giải khát, sữa, dược phẩm.

Với chiến lược xây dựng hình ảnh thương hiệu đường BonSu đến với người tiêu dùng, góp phần quảng bá hình ảnh thương hiệu Bourbon Tây Ninh của Công ty. Năm 2010, Công ty đã phân phối sản phẩm đường túi mang thương hiệu BonSu với tính năng siêu sạch đến tất cả hệ thống siêu thị trong cả nước, đặc biệt là các Tỉnh, Thành lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,... Ngoài ra, BonSu còn được phân phối đến tất cả các chợ, tiệm tạp hóa trên toàn quốc, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

Biểu đồ sản lượng phân phối của thương hiệu BonSu và Mimosa trong năm 2010:



## 2. Tình hình đầu tư – phát triển

- Thực hiện mục tiêu duy trì, phát triển vùng nguyên liệu do Hội đồng quản trị đề ra, Ban Tổng giám đốc đã đưa ra những chính sách kịp thời giúp duy trì và phát triển diện tích mía đạt 12.000ha, năng suất bình quân đạt 70 tấn/ha. Tổ chức hội thảo khuyến cáo bà con trồng mía tại các vùng nguyên liệu tiềm năng; Tổ chức các chuyên đề nhằm định hướng cho bà con nông dân chọn giống mía chất lượng cao (chữ đường cao, năng suất cao, ít sâu bệnh)
- Với mục đích rà soát, cải tiến và tối ưu hóa quá trình quản lý của từng công đoạn, SBT đã tổ chức nghiên cứu sự biến thiên của mía-đường nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp trong quá trình thu hoạch và chế biến giúp giữ tối đa độ tươi của mía, kiểm soát triệt để thời gian mía tồn sân giúp nâng cao chất lượng mía sản xuất tăng hiệu quả thu hồi.
- Đầu tư máy móc thiết bị cần thiết phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp, đưa vào sử dụng và sẽ nhân rộng trong các vụ mùa tiếp theo máy bốc mía giúp giảm lượng công lao động, giảm thời gian đốn chặt, đưa nhanh mía tươi về nhà máy.
- Ứng dụng phương pháp quản lý mới, hiện đại giúp kiểm soát quá trình sản xuất, tăng độ ổn định trong sản xuất như eAM (Enterprise Asset Management - hệ thống quản lý bảo trì tài sản thiết bị); TPM (Total Productive Maintenance - hệ thống duy trì năng suất tổng thể), hệ thống đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu được lượng hóa KPI (Key Performance Indicators)
- Đưa ra thị trường thành công thương hiệu BonSu – đường tinh luyện Siêu Sạch duy nhất tại Việt Nam
- Về các dự án đầu tư trong năm, hiện nay SBT đang đầu tư vốn vào 2 dự án lớn đã được ĐHĐCĐ thông qua là dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon tại trung tâm thị xã Tây Ninh và Vườn Công Nghiệp Bourbon An Hòa tại xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Về dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây ninh, công ty sẽ tiến hành khởi công xây dựng vào khoảng tháng 08/2011. Dự án được phân kỳ đầu tư theo 2 giai đoạn: giai đoạn 1 tiến hành thực hiện ngay trong năm 2011, giai đoạn 2 sẽ thực hiện khi nhu cầu thị trường đáp ứng
- Vườn công nghiệp Bourbon An Hòa : tổng số vốn góp của SBT tại Bourbon An Hòa (BAC) hiện nay là 245 tỷ đồng, chiếm 49% vốn điều lệ. Do tình hình kinh tế không thuận lợi và khả năng thu hút đầu tư trong năm 2010 không cao nên Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa chưa thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc BAC đang nỗ lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm sớm đạt chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã giao.

## 3. Tình hình nhân sự

- Trong năm, tình hình nhân sự duy trì ổn định, tổng số lao động hiện nay gồm 400 nhân viên biên chế, và hơn 200 lao động thời vụ. Công ty tổ chức các lớp đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là đối tượng cán bộ chủ chốt. Thường xuyên tổ chức chương trình tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

- Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc phối hợp cùng Công đoàn tổ chức cải thiện chất lượng phần ăn của nhân viên. Tu bổ, sửa chữa khu vui chơi thể thao, chăm sóc đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, tạo động lực cho nhân viên làm việc và giúp tăng sự gắn bó lâu dài với công ty.
- Hàng năm, công ty tổ chức Hội Nghị Người Lao Động nhằm tri ân những thành quả đóng góp của người lao động, đặc biệt các cán bộ đã gắn bó lâu dài với công ty từ trên 10 năm.
- Ban Tổng giám đốc có những chính sách khen thưởng kịp thời động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động.

#### 4. Báo cáo tình hình tài chính

##### a. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010			
	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>839.270.167.470</b>	<b>576.132.811.032</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	126.499.741.314	36.210.391.791
Tiền	111	5.075.417.870	36.210.391.791
Các khoản tương đương tiền	112	121.424.323.444	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	140.250.938.937	104.223.964.741
Đầu tư ngắn hạn	121	151.759.448.812	111.506.979.930
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129	(11.508.509.875)	(7.283.015.189)
Các khoản phải thu	130	274.224.373.622	133.420.487.547
Phải thu khách hàng	131	81.021.981.344	65.614.618.849
Trả trước cho người bán	132	21.683.629.404	7.341.544.375
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
Các khoản phải thu khác	135	171.998.988.117	60.867.466.346
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(480.225.243)	(403.142.023)
Hàng tồn kho	140	291.790.981.851	299.757.718.522
Hàng tồn kho	141	296.052.057.500	304.018.794.171
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(4.261.075.649)	(4.261.075.649)
Tài sản ngắn hạn khác	150	6.504.131.746	2.520.248.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	74.500.000	15.600.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	6.429.631.746	2.504.648.431

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010			
	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.117.611.903.596</b>	<b>1.269.881.108.733</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213	-	-
Phải thu dài hạn khác	218	100.000.000.000	100.000.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
Tài sản cố định	220	680.321.403.422	749.377.401.483
Tài sản cố định hữu hình	221	624.116.789.778	695.215.953.046
Nguyên giá	222	1.543.504.820.477	1.543.288.533.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(919.388.030.699)	(848.072.580.951)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
Nguyên giá	225	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	2.055.404.897	2.320.408.884
Nguyên giá	228	4.753.342.397	4.672.342.397
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.697.937.500)	(2.351.933.513)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	54.149.208.747	51.841.039.553
Bất động sản đầu tư	240	-	-
Nguyên giá	241	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	332.020.945.644	404.034.975.773
Đầu tư vào công ty con	251	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	249.800.000.000	249.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	98.696.398.631	170.743.206.675
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	(16.475.452.987)	(16.508.230.902)
Tài sản dài hạn khác	260	5.269.554.530	16.468.731.477
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.117.418.940	16.344.384.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
Tài sản dài hạn khác	268	152.135.590	124.347.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.956.882.071.066</b>	<b>1.846.013.919.765</b>

	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>167.279.415.106</b>	<b>197.680.726.132</b>
Nợ ngắn hạn	310	140.984.372.606	169.161.707.842
Vay và nợ ngắn hạn	311	2.386.342.000	90.035.038.000
Phải trả cho người bán	312	44.861.096.853	34.697.930.452
Người mua trả tiền trước	313	32.703.795.939	5.121.521.684
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	21.820.874.914	12.741.217.824
Phải trả công nhân viên	315	4.447.249.330	1.738.000
Chi phí phải trả	316	20.657.390.504	15.982.101.469
Phải trả nội bộ	317	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13.554.781.827	9.480.172.548
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	552.841.239	1.101.987.865
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
Nợ dài hạn	330	26.295.042.500	28.519.018.290
Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
Phải trả dài hạn khác	333	-	-
Vay và nợ dài hạn	334	20.283.905.000	22.670.247.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	6.011.137.500	5.848.771.290
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.789.602.655.960</b>	<b>1.648.333.193.633</b>
Vốn chủ sở hữu	410	1.789.602.655.960	1.648.333.193.633
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
Cổ phiếu quỹ	414	(5.540.477.288)	(5.540.477.288)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	4.936.442.297	5.286.454.297
Quỹ dự phòng tài chính	418	24.143.137.255	13.642.280.850
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	346.805.553.696	215.686.935.774
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.956.882.071.066</b>	<b>1.846.013.919.765</b>

## b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010	2009
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.105.796.529.066	771.806.590.806
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.544.616.185	1.189.456.406
Doanh thu thuần	10	1.104.251.912.881	770.617.134.400
Giá vốn hàng bán	11	720.465.646.112	567.746.371.725
Lợi nhuận gộp	20	383.786.266.769	202.870.762.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	54.492.212.003	31.829.636.322
Chi phí tài chính	22	25.295.081.168	(21.476.543.791)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	19.966.300.958	7.706.175.323
Chi phí bán hàng	24	16.875.766.312	14.677.134.341
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26.214.431.140	18.771.843.554
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	369.893.200.152	222.727.964.893
Thu nhập khác	31	1.437.980.296	4.851.018.023
Chi phí khác	32	971.560.390	1.678.268.549
Lợi nhuận khác	40	466.419.906	3.172.749.474
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	370.359.620.058	225.900.714.367
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25.127.528.863	15.883.586.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	345.232.091.195	210.017.128.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.444	1.484

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

### 1. Một số nhiệm vụ chính trong năm 2011

- Dựa trên quy hoạch của Tỉnh, Ban Tổng giám đốc triển khai duy trì vùng nguyên liệu hiện có và mở rộng diện tích vùng nguyên liệu tiềm năng;
- Nâng cao công tác khuyến nông nhằm cải thiện năng suất, chất lượng mía;
- Thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, cải tiến khâu thu hoạch và trồng mía;
- Nghiên cứu, trình HĐQT phê duyệt dự án nâng cấp công suất nhà máy lên 9000 tấn mía/ngày;
- Đào tạo nguồn nhân lực trẻ dự phòng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ hiện tại;
- Tiếp tục phát triển thương hiệu đường tinh luyện cao cấp BonSu với tính năng siêu sạch. Nghiên cứu đa dạng hóa chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu dùng như: Đường vàng thiên nhiên, đường tinh luyện cực tinh khiết (Extra-Pure);
- Triển khai giai đoạn 1 của dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh theo chủ trương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.



## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

■ Sản lượng mía ép	:	800.000 tấn
■ Sản lượng đường thô nguyên liệu	:	17.000 tấn
■ Sản lượng đường tiêu thụ	:	80.000 tấn
■ Tổng doanh thu (bao gồm phụ phẩm)	:	1.600 tỷ đồng
■ Lợi nhuận trước thuế	:	400 tỷ đồng
■ Lợi nhuận sau thuế	:	370 tỷ đồng
■ Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	:	2.600 đồng/CP

Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 :

■ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	:	5% lợi nhuận
■ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	10% lợi nhuận
■ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	
o Dành cho cán bộ công nhân viên: 4% nếu lợi nhuận ≤ 370 tỷ; trên 370 tỷ đến 400 tỷ, trích bổ sung 7% lợi nhuận vượt; trên 400 tỷ, trích bổ sung 10% lợi nhuận vượt		
o Dành cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát: 1% lợi nhuận		
o Công tác xã hội: 1% lợi nhuận		
■ Chia cổ tức bằng tiền mặt	:	20% mệnh giá

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ CHỦ



## Báo cáo của Hội đồng quản trị



Căn cứ vào Điều lệ và thực trạng của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình như sau:

## I. CÁC PHIÊN HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2010

Năm 2010, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2009. Trong năm, Hội đồng quản trị có 04 phiên họp thường kỳ tại Việt Nam, và 04 phiên họp đột xuất nhằm giải quyết một số vấn đề phát sinh của công ty. Ngoài ra, HĐQT còn thông qua điện thoại, email thường xuyên trao đổi để nắm bắt tình hình và đưa ra định hướng giúp Công ty hoạt động hiệu quả.

Kỳ họp	Nội dung
26/02/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo vụ sản xuất 2009/2010</li> <li>2. Báo cáo tài chính năm 2009</li> <li>3. Kế hoạch năm 2010</li> <li>4. Các nội dung thảo luận và biểu quyết</li> <li>5. Các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009</li> </ol>
16/05/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2010</li> <li>2. Tình hình đầu tư vùng nguyên liệu mía</li> <li>3. Tình hình ngành đường Việt Nam</li> <li>4. Các dự án đang triển khai</li> <li>5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết</li> </ol>
21/08/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2010</li> <li>2. Tình hình đầu tư vùng nguyên liệu</li> <li>3. Các dự án đang triển khai</li> <li>4. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết</li> </ol>
27/09/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dùng vốn góp tại Công ty cổ phần Bourbon An Hòa để làm tài sản đảm bảo tại Ngân hàng</li> </ol>
14/10/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kết quả họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 08/10/2010</li> <li>2. Thảo luận một số nội dung khác</li> </ol>
04/11/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thảo luận một số công việc chuyển đổi chủ sở hữu</li> </ol>
03/12/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xem xét thư từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</li> <li>2. Xem xét bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty</li> <li>3. Thảo luận một số vấn đề khác về việc bàn giao</li> </ol>
09/12/2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác năm 2011</li> <li>2. Kế hoạch triển khai dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh và tình hình đầu tư vào Công ty cổ phần Bourbon An Hòa</li> <li>3. Thông qua việc tạm ứng chia cổ tức năm 2010</li> <li>4. Xem xét bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</li> <li>5. Các vấn đề khác</li> </ol>

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm, có sự thay đổi lớn về việc chuyển nhượng cổ phần từ Tập đoàn Bourbon – Pháp cho các cá nhân, tổ chức Việt Nam, trong đó có Công ty CP SX-TM Thành Thành Công là cổ đông lớn.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi qua email, điện thoại,... để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh. Cụ thể như sau:

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ chính yếu sau:

- Tập trung xây dựng chính sách phát triển vùng nguyên liệu ổn định và bền vững, duy trì diện tích trong niên vụ 2010-2011 đạt từ 12.000ha trở lên;
- Ứng dụng các phương pháp quản lý khoa học kỹ thuật mới, hiện đại vào quá trình quản lý thiết bị của công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Quan tâm quyền lợi người lao động, có những chính sách khen thưởng kịp thời động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông : Tổng sản lượng mía ép 598.499 tấn đạt 105% so kế hoạch. Đường thô nguyên liệu 6.234 tấn đạt 125% so kế hoạch; đường RE tiêu thụ 59.268 tấn đạt 104% so kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;

**Kết quả kiểm toán được thực hiện bởi Công ty kiểm toán BDO Việt Nam như sau :**

*Kết quả thực hiện năm 2010:*

*Đơn vị tính : triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
- Doanh thu thuần	936.671	1.104.251	118%
- Lợi nhuận trước thuế	277.242	370.360	134%
- Lợi nhuận sau thuế	260.472	345.232	133%
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.844	2.444	133%

*Tình hình chi trả thù lao năm 2010:*

Công ty tiến hành chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua.

Tổng số tiền thù lao thuần đã chi trong năm 2010 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/ tháng (đồng)	Số tháng	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.000.000	12	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	5	4.000.000	12	240.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	4.000.000	12	48.000.000
4	Thành viên BKS	2	3.000.000	12	72.000.000
5	Thư ký HĐQT	1	1.000.000	12	12.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>444.000.000</b>

### III. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

#### Thành viên từ nhiệm trong năm:

- Ngày 02/12/2010, hai thành viên Hội đồng quản trị là Ông Jacques De CHATEAUVIEUX – Chủ tịch HĐQT và Bà Phạm Thị Thu Hương – thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty SBT xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

#### Thành viên được bổ nhiệm trong năm:

- Để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát, kịp thời, HĐQT quyết định bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT là Bà Nguyễn Thị Kim Vân và Ông Nguyễn Văn Lộc.
- Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Bá Chủ giữ chức vụ Tổng giám đốc thay thế bà Phạm Thị Thu Hương kể từ ngày 03/12/2010.
- Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua việc bổ nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

### IV. KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị cam kết sẽ thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các cuộc họp bất thường hoặc trao đổi qua điện thoại, email để kịp thời xử lý các phát sinh;
- Tổ chức các cuộc họp với Ban Tổng Giám Đốc ngay khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của Hội đồng quản trị của Ban Tổng Giám Đốc.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HUỲNH BÍCH NGỌC

# Báo cáo của Ban kiểm soát



Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2011.

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010

(Ngày 06/04/2011)

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005,
- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty,
- Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH BDO Việt Nam (BDO),
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2010.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2010 như sau:

### **I. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đối với HĐQT, Ban TGDĐ và cán bộ quản lý trong việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các Quyết định của Hội đồng quản Trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (TGDĐ) trong công tác quản lý, điều hành; kiểm soát quy trình, thủ tục ban hành các văn bản, tài liệu của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty,
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp khắc phục,
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc,
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập,
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty,
- Xem xét các Hợp đồng kinh tế quan trọng.

## II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản trị, điều hành toàn bộ các mặt hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,
- Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ và 4 phiên họp đột xuất, các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như Quy chế quản trị Công ty,
- Các biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp, các nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Trong năm 2010, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 như xem xét, đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh hàng quý, nửa năm và cả năm đồng thời đưa ra kế hoạch cho các quý tiếp theo; Tổ chức ĐHCĐ bất thường sửa đổi một số nội dung không phù hợp trong Điều lệ của Công ty; Xem xét việc từ nhiệm và bổ nhiệm thay thế hai thành viên HĐQT, xem xét việc từ nhiệm của Tổng giám đốc và bổ nhiệm thay thế Tổng giám đốc – người đại diện pháp luật... nhìn chung, các nghị quyết được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD,
- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được ban hành sau khi Ban TGD trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
- Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty về cơ bản đã được tổ chức một cách hợp lý hơn, đảm bảo tính tách bạch, rõ ràng nhưng vẫn thuận lợi trong việc phối hợp và giám sát lẫn nhau giữa các hoạt động chức năng nhằm đạt được mục tiêu chung. Tuy nhiên, một vài phòng ban vẫn chưa thực hiện được đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình như phòng Kiểm soát nội bộ, hiện nay mới thực hiện được nhiệm vụ đối với một số hoạt động của bộ phận Nông nghiệp,
- Về cơ bản, các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2010 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông. Tuy nhiên, trong một số Hợp đồng vẫn tồn tại một số điều khoản chưa thật sự chặt chẽ,
- Đối với các giao dịch với các bên liên quan như bán đường cho Công ty cổ phần SX và Thương mại Thành Thành Công, Công ty TNHH Đặng Thành, Ban kiểm soát nhận thấy tất cả các điều khoản thương mại đều tương đương và bình đẳng như các các đối tác thương mại không liên quan,
- Công tác phát triển thị trường và khách hàng đã có những bước tiến đáng khích lệ nhằm từng bước giảm dần sự phụ thuộc và nâng cao sức mạnh đàm phán trong quan hệ giao dịch với một số khách hàng công nghiệp lớn. Năm 2010, Công ty đã phân phối sản phẩm đường túi mang thương hiệu BonSu đến tất cả hệ thống siêu thị, các chợ, tiệm tạp hóa trong cả nước, đồng thời thu hút thêm được một số khách hàng công nghiệp và thương mại,



- Về quản lý, sử dụng vật tư, công cụ dụng cụ: tiếp thu kiến nghị của Ban kiểm soát, Công ty đã có sự cải tiến quy trình, thủ tục kiểm soát sử dụng vật tư, công cụ, dụng cụ, kết quả là trong năm 2010, toàn Công ty đã giảm được 25.5% chi phí sử dụng vật tư, công cụ dụng cụ, sửa chữa bảo trì và 13% chi phí sử dụng hóa chất, bao bì, nhiên liệu, phụ tùng thay thế với tổng số tiền là 4.5 tỷ đồng trong khi sản lượng mía ép và đường thô tinh luyện đều tăng so với năm 2009,
- Công tác nhân sự và chính sách tiền lương: công tác nhân sự đã được xây dựng và tổ chức trên cơ sở hệ thống các quy trình, chính sách khá đầy đủ. Tuy nhiên, hiệu quả áp dụng trên thực tế còn nhiều hạn chế do: bảng mô tả công việc mới chỉ dừng lại ở mức độ liệt kê đầu mục công việc mà chưa được lượng hóa, cụ thể hóa chất lượng công việc. Việc thiết lập mục tiêu và đánh giá hiệu quả công việc chưa được cụ thể, rõ ràng. Kết quả là, việc chi trả lương vẫn mang nặng tính chất bình quân chủ nghĩa, chưa phản ánh đúng mức độ hoàn thành, hiệu quả và mức độ đóng góp giữa các phòng ban, xưởng sản xuất, các cá nhân trong cùng một đơn vị công tác. Công ty chưa xây dựng được chính sách khen thưởng thỏa đáng nhằm khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến quy trình nghiệp vụ, thao tác, tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Năm 2010, Công ty vẫn phát sinh vấn đề tranh chấp đối với một vài cá nhân liên quan đến việc các cá nhân này không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cũng như nghĩa vụ bán mía cho Công ty như đã cam kết trong Hợp đồng thuê, mua đất trồng và chăm sóc mía, Công ty cũng đã đưa vụ việc này ra cơ quan Tòa án địa phương để xử lý theo pháp luật.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, Sở Giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng và Công ty niêm yết,

Tuy nhiên, một số bộ phận chức năng và hoạt động của Công ty còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Cụ thể:

- Hợp đồng thương mại với một vài khách hàng công nghiệp: Hợp đồng khung bán đường không quy định bất kỳ ràng buộc nào khi khách hàng không mua hết số lượng đặt hàng trong tháng hay cả năm, ngược lại Công ty phải bồi thường mọi thiệt hại khi gián đoạn hoặc cung cấp không đủ số lượng theo cam kết, kết quả là Công ty luôn phải dự trữ và cung cấp đủ cho khách hàng theo khối lượng đã cam kết, nhưng trên thực tế trong năm 2010, khách hàng chỉ mua khoảng 50% khối lượng đã cam kết mà không chịu bất cứ trách nhiệm hay chế tài nào. Số lượng và giá cả cụ thể của từng đơn đặt hàng được xác nhận theo tháng nhưng Công ty vẫn luôn ở trạng thái bị động khi phải chào giá trước ngày 15 hàng tháng cho đơn hàng tháng tiếp theo nhưng khách hàng lại có quyền xác nhận khối lượng và giá cả vào thời điểm thích hợp. Với những cam kết này Công ty sẽ gặp phải bất lợi khi giá đường có xu hướng đi xuống cũng như không chủ động về số lượng tồn kho, doanh số bán hàng trong năm khi có biến động giá theo hướng bất lợi,
- Việc mua đường thô của Công ty còn một số điều khoản chưa rõ ràng: địa điểm giao nhận được chỉ định tại cảng và Công ty có trách nhiệm xác nhận số lượng và chất lượng khi nhận hàng, trên thực tế việc xác định chất lượng đường thô chỉ có thể thực hiện được tại kho của Công ty, ngoài ra Hợp đồng còn quy định trong trường hợp hai bên không thống nhất được kết quả kiểm định chất lượng, hai bên sẽ gửi mẫu đường cho Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST 3) để kiểm định, kết quả của QUATEST 3 là kết quả cuối cùng và chi phí kiểm định do Bên sai chịu mà không quy định rõ chi phí vận tải, lưu kho và các thiệt hại khác sẽ do bên nào chịu.
- Đối với Hợp đồng vận chuyển, không quy định rõ thời gian xếp hàng trong ngày, trong tuần tại kho của Công ty, do đó đã xảy ra tình trạng nhân viên kho của Công ty phải làm ngoài giờ trong khi trong giờ, ngày làm việc chính thức lại không có xe tới nhận hàng,

■ Bộ phận Nông nghiệp:

- Nhân sự của bộ phận này chưa được quan tâm đúng mức về chất lượng, không ổn định. Hiện tại, Công ty chỉ có quy trình mang tính hướng dẫn về các bước thủ tục đầu tư trồng và chăm sóc mía, đầu tư thuê đất đối với người trồng mía và chỉ dừng lại khi hoàn tất việc giải ngân, mà chưa quy định cụ thể chế độ trách nhiệm rõ ràng trong việc thẩm định, đánh giá và quyết định đầu tư tiền cho người trồng mía cũng như trách nhiệm theo dõi, đơn đốc thu hồi công nợ sau khi giải ngân. Hệ thống mẫu biểu sử dụng còn có một số nội dung không thống nhất dễ dẫn tới hiểu sai và phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện.
- Hợp đồng mượn tiền mua đất và Hợp đồng (Biên bản) thế chấp quyền sử dụng đất hiện tại đều chưa được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo, do đó trên thực tế là chưa có giá trị pháp lý.

Ngoài một số hạn chế nêu trên, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2010 của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

### III. Về báo cáo tài chính năm 2010

Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của Kiểm toán viên rằng Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2010, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản thực hiện trong năm như sau:

Đơn vị: triệu VND.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009		Thực hiện 2010		+/- so 2009
	Giá trị	%/DT thuần	Giá trị	%/DT thuần	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>770,617</b>	<b>100.00%</b>	<b>1,104,252</b>	<b>100.00%</b>	<b>43.29%</b>
Giá vốn hàng bán	567,746	73.67%	720,466	65.24%	26.90%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>202,871</b>	<b>26.33%</b>	<b>383,786</b>	<b>34.76%</b>	<b>89.18%</b>
<b>Lợi nhuận từ HĐ tài chính</b>	<b>53,306</b>	<b>6.92%</b>	<b>29,197</b>	<b>2.64%</b>	<b>-45.23%</b>
Chi phí bán hàng và QLDN	33,449	4.34%	43,090	3.90%	28.82%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động SXKD</b>	<b>222,728</b>	<b>28.90%</b>	<b>369,893</b>	<b>33.50%</b>	<b>66.07%</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3,173</b>	<b>0.41%</b>	<b>466</b>	<b>0.04%</b>	<b>-85.31%</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>225,901</b>	<b>29.31%</b>	<b>370,359</b>	<b>33.54%</b>	<b>63.95%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>210,017</b>	<b>27.25%</b>	<b>345,232</b>	<b>31.26%</b>	<b>64.38%</b>
<b>Thu nhập trên mỗi CP (EPS)-VND</b>	<b>1,484</b>		<b>2,444</b>		<b>64.69%</b>

Sản lượng đường tiêu thụ năm 2010 giảm 8.3% so với năm 2009 (2010: 59,338 tấn; 2009: 64,713 tấn) do đó doanh thu thuần tăng 43.29% hoàn toàn là do giá bán đường tăng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	+/- so 2009
<b>Doanh thu thuần (triệu VND)</b>			
Đường	700,361	988,799	41.18%
Mật rỉ	40,007	85,325	113.28%
Điện	25,315	26,306	3.91%
<b>Sản lượng tiêu thụ (tấn)</b>			
Đường	64,713	59,338	-8.31%
Mật rỉ	28,076	37,681	34.21%
Điện	34,367	33,484	-2.57%
<b>Giá bán bình quân</b>			
Đường (đồng/tấn)	10,823	16,664	53.97%
Mật rỉ (đồng/tấn)	1,425	2,264	58.88%
Điện (đồng/KWh)	737	786	6.65%

Giá vốn hàng bán tăng 27% so với năm 2009 là do giá thu mua mía nguyên liệu tăng 29% và các chi phí khác tăng 3%. Tuy nhiên, do giá bán bình quân các sản phẩm chính đều tăng cao hơn tốc độ tăng giá vốn hàng bán, nên mặc dù sản lượng đường tiêu thụ giảm 8.31%, nhưng tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần năm 2010 vẫn đạt 34.8% so với 26.3% của năm 2009 và lãi gộp năm 2010 tăng 181 tỷ đồng tương đương tăng 89% so với năm 2009.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2010 là 54 tỷ (lãi tiền gửi, cho vay: 23 tỷ; Lãi đầu tư nông dân: 19.5 tỷ; Lãi bán một phần cổ phiếu HAG: 11.8 tỷ) tăng 22 tỷ so với năm 2009. Tuy nhiên, chi phí hoạt động tài chính tăng 46 tỷ do chi phí trả lãi vay tăng 12 tỷ và hoàn nhập dự phòng giảm 34 tỷ (năm 2009, Công ty được hoàn nhập ròng 38 tỷ từ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn). Kết quả là lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2010 giảm 24 tỷ đồng.

#### IV. Về việc tuân thủ luật pháp

Tất cả hoạt động của Công ty đều phù hợp với giấy đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty chấp hành tốt các quy định, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động, vay và trả nợ gốc, lãi đối với các ngân hàng.

#### V. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010

- Năm 2010, trong bối cảnh Công ty có sự thay đổi lớn về cơ cấu sở hữu với sự chuyển nhượng toàn bộ 68,41% cổ phần của Tập đoàn Bourbon (cổ đông sáng lập nước ngoài) sang nhóm cổ đông trong nước, Công ty đã chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần trong nước, với sự thay đổi 2/6 thành viên HĐQT, thay đổi Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật. Tuy nhiên, HĐQT, Ban TGD và tập thể người lao động của Công ty vẫn hoàn thành tốt các nội dung trong nghị quyết, các chỉ tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.
- Công ty đã hoàn tất việc phân phối lợi nhuận năm 2009; Chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm Sát; Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh; Ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH BDO Việt Nam theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2009.

## Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2010 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Sản lượng mía ép	Tấn	≥ 570,000	598,449	104.99%
2	Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	≥ 5,000	6,234	124.68%
3	Tổng doanh thu (bao gồm phụ phẩm)	Triệu đồng	936,671	1,104,252	117.89%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	277,242	370,359	133.59%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	260,472	345,232	132.54%

## VI. Kết luận và kiến nghị

- Ban TGD cần chỉ đạo các bộ phận liên quan hoặc thuê dịch vụ tư vấn luật xem xét lại một số điều khoản của các Hợp đồng kinh tế quan trọng nhằm giảm thiểu tới mức thấp nhất những rủi ro và bất lợi về phía Công ty. Các Hợp đồng liên quan đến thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cần phải thực hiện thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo,
- Về công tác cho vay, đầu tư cho người trồng mía: Công ty cần ưu tiên hơn nữa công tác thu hồi nợ vay nhằm hạn chế gia tăng nợ quá hạn, thu hồi công nợ quá hạn và từng bước chuyển dần các khoản cho vay đầu tư này sang cho các ngân hàng thương mại. Thay vì cho vay trực tiếp như hiện nay, Công ty có thể hỗ trợ người trồng mía chi phí trả lãi 4-5%/năm nhằm tiết kiệm chi phí thuế TNDN (Tiền lãi Công ty cho vay với lãi suất 13%/năm phải chịu thuế suất 25%, trong khi chi phí trả lãi Công ty đi vay với lãi suất 18%/năm chỉ được khấu trừ 5%), đồng thời tận dụng được năng lực chuyên môn cũng như chia sẻ trách nhiệm theo dõi, thu hồi nợ vay với Ngân hàng. Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng chế độ, chính sách nhằm xác định, gắn kết trách nhiệm của cán bộ trực tiếp tham gia thẩm định, lựa chọn và đề xuất đầu tư cho người trồng mía. Tại thời điểm 31/12/2010, tổng dư nợ cho vay, đầu tư trồng mía là 190 tỷ, trong đó nợ quá hạn là 16.7 tỷ và Công ty đã trích lập dự phòng 15.2 tỷ đồng,
- HĐQT cần chỉ đạo Ban TGD xây dựng Quy chế quản quản lý tài chính, thực hiện quản lý chi phí bằng ngân sách, nhằm đảm bảo việc sử dụng, khai thác các nguồn lực tài chính, tài sản của công ty một cách an toàn, hiệu quả,
- Ban TGD cần yêu cầu các bộ phận liên quan tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng như tăng cường kiểm soát, nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm các loại tài sản này,
- HĐQT, Ban TGD cần chỉ đạo các bộ phận chức năng phân loại, đánh giá lại các loại vật tư, máy móc, thiết bị, hàng hóa và thành phẩm tồn kho không còn khả năng sử dụng để thanh lý thu hồi một phần giá trị cho Công ty (Tổng giá trị trích lập dự phòng tới 31/12/2010 là 10.3 tỷ đồng),
- Ban TGD cần tăng cường nhân sự và công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ phòng Kiểm soát nội bộ để có thể thực hiện đầy đủ với chất lượng tốt chức năng, nhiệm vụ của mình,
- Năm 2011, Công ty nên xem xét có chính sách bán hàng, tồn kho hợp lý vì đây là năm cuối cùng Công ty được miễn giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp,

- Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch ở mức khá thấp so với giá trị nội tại và tiềm năng tăng trưởng do tác động tâm lý giao dịch theo đám đông và sự thiếu kiên nhẫn của nhà đầu tư trước tình hình kinh tế vĩ mô đang được cải thiện, HĐQT nên xem xét việc mua cổ phiếu quỹ ở mức giá hợp lý như là một trong những phương thức gia tăng giá trị cho cổ đông, đồng thời tạo nguồn cổ phiếu thực hiện chương trình quyền sở hữu cổ phần cho người lao động (Employee Stock Ownership Plan - ESOP),

Trên đây là những ý kiến của Ban kiểm soát đối với các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh trong năm tài chính 2010.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban TGD, các bộ phận nghiệp vụ, phòng ban chức năng của Công ty đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trân trọng kính chào,

Thay mặt Ban kiểm soát



Khổng Văn Minh

Trưởng Ban

# Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **1. Công ty**

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh.

Khi mới thành lập, Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.

Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22 tháng 5 năm 2000, kể từ năm 2000, Công ty đã được chấp thuận chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, tỉnh Réunion, Cộng hòa Pháp thành lập.

Ngày 23 tháng 3 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23 tháng 3 năm 2007, điều chỉnh lần thứ 7 ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện và thương mại được đặt tại lầu 10, Tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất đường, các sản phẩm phụ;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
- Sản xuất điện thương phẩm và điện để tự sử dụng;
- Trồng mía và đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng mía.

Vào tháng 12 năm 2010, Group Bourbon đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh thuộc sở hữu của mình cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thành Thành Công, Công ty TNHH Đặng Thành và Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

### Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch (được bổ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2010)
Ông Jacques de Chateauvieux	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2010)
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Thành viên (được bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2010)
Ông Philippe Lombard	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên (được bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2010)
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên (từ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên

### Ban kiểm soát

Ông Khổng Văn Minh	Trưởng ban
Ông Võ Văn Hai	Thành viên
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên

### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2010)
Bà Phạm Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 3 tháng 12 năm 2010)
Ông Phạm Hồng Dương	Giám đốc nhà máy
Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc nông nghiệp
Bà Trương Thị Hồng	Giám đốc tài chính
Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc thương mại

### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng
-------------------------	----------------

## 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

## 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

## 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.



## 6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

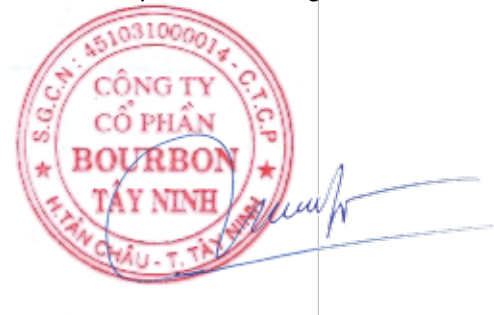
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## 7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bà HUỲNH BÍCH NGỌC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tây Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>TÀI SẢN</b>				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		839.270.167.470	576.132.811.032
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	4.1	126.499.741.314	36.210.391.791
Tiền	111		5.075.417.870	36.210.391.791
Các khoản tương đương tiền	112		121.424.323.444	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		140.250.938.937	104.223.964.741
Đầu tư ngắn hạn	121	4.10	151.759.448.812	111.506.979.930
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129	4.10	(11.508.509.875)	(7.283.015.189)
<b>Các khoản phải thu</b>	130	4.2	274.224.373.622	133.420.487.547
Phải thu khách hàng	131		81.021.981.344	65.614.618.849
Trả trước cho người bán	132		21.683.629.404	7.341.544.375
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		171.998.988.117	60.867.466.346
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(480.225.243)	(403.142.023)
<b>Hàng tồn kho</b>	140	4.3	291.790.981.851	299.757.718.522
Hàng tồn kho	141		296.052.057.500	304.018.794.171
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.261.075.649)	(4.261.075.649)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		6.504.131.746	2.520.248.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		74.500.000	15.600.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản ngắn hạn khác	158 Mã số	4.4 Thuyết minh	6.429.631.746 31/12/2010	2.504.648.431 01/01/2010
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		1.117.611.903.596	1.269.881.108.733
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	4.5	100.000.000.000	100.000.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		680.321.403.422	749.377.401.483
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	624.116.789.778	695.215.953.046
Nguyên giá	222		1.543.504.820.477	1.543.288.533.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(919.388.030.699)	(848.072.580.951)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.055.404.897	2.320.408.884
Nguyên giá	228		4.753.342.397	4.672.342.397
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.697.937.500)	(2.351.933.513)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	54.149.208.747	51.841.039.553
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		332.020.945.644	404.034.975.773
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.9	249.800.000.000	249.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	98.696.398.631	170.743.206.675
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.10	(16.475.452.987)	(16.508.230.902)
Tài sản dài hạn khác	260		5.269.554.530	16.468.731.477
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	5.117.418.940	16.344.384.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		152.135.590	124.347.000

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		1.956.882.071.066	1.846.013.919.765
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		167.279.415.106	197.680.726.132
Nợ ngắn hạn	310		140.984.372.606	169.161.707.842
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.18	2.386.342.000	90.035.038.000
Phải trả cho người bán	312	4.12	44.861.096.853	34.697.930.452
Người mua trả tiền trước	313	4.13	32.703.795.939	5.121.521.684
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	21.820.874.914	12.741.217.824
Phải trả công nhân viên	315		4.447.249.330	1.738.000
Chi phí phải trả	316	4.15	20.657.390.504	15.982.101.469
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	13.554.781.827	9.480.172.548
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.17	552.841.239	1.101.987.865
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		26.295.042.500	28.519.018.290
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.18	20.283.905.000	22.670.247.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.19	6.011.137.500	5.848.771.290
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		1.789.602.655.960	1.648.333.193.633
Vốn chủ sở hữu	410	4.20	1.789.602.655.960	1.648.333.193.633
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(5.540.477.288)	(5.540.477.288)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.936.442.297	5.286.454.297
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.143.137.255	13.642.280.850
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		346.805.553.696	215.686.935.774
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.956.882.071.066</b>	<b>1.846.013.919.765</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.21	4.913.651.663	4.983.132.519
Ngoại tệ các loại (USD)	4.1	11.792,74	25.934,37
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
 Kế toán trưởng



NGUYỄN BÁ CHỦ  
 Tổng Giám đốc  
 Tây Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.105.796.529.066	771.806.590.806
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.544.616.185	1.189.456.406
Doanh thu thuần	10	5.1	1.104.251.912.881	770.617.134.400
Giá vốn hàng bán	11	5.2	720.465.646.112	567.746.371.725
Lợi nhuận gộp	20		383.786.266.769	202.870.762.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	54.492.212.003	31.829.636.322
Chi phí tài chính	22	5.4	25.295.081.168	(21.476.543.791)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.966.300.958	7.706.175.323
Chi phí bán hàng	24	5.5	16.875.766.312	14.677.134.341
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	26.214.431.140	18.771.843.554
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		369.893.200.152	222.727.964.893
Thu nhập khác	31		1.437.980.296	4.851.018.023
Chi phí khác	32		971.560.390	1.678.268.549
Lợi nhuận khác	40	5.7	466.419.906	3.172.749.474
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		370.359.620.058	225.900.714.367
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	25.127.528.863	15.883.586.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		345.232.091.195	210.017.128.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	2.444	1.484

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
 Kế toán trưởng



NGUYỄN BÁ CHỦ  
 Tổng Giám đốc  
 Tây Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
			VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		370.359.620.058	225.900.714.367
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		72.761.739.575	72.287.440.151
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		4.269.799.991	(29.766.779.279)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(54.467.222.540)	(34.440.511.156)
Chi phí lãi vay	06	6.4	19.966.300.958	7.706.175.323
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		412.890.238.042	241.687.039.406
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(32.522.870.141)	(22.810.043.533)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		7.966.736.671	(66.450.955.268)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		54.659.098.644	(188.379.916.436)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		11.168.065.537	(7.616.712.145)
Tiền lãi vay đã trả	13		(20.061.489.849)	(7.689.960.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25.723.383.056)	(3.655.797.939)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.600.000	27.602.750
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.855.399.044)	(676.439.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		393.522.596.804	(55.565.184.039)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.677.301.904)	(17.972.272.054)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.234.786.704	142.682.538
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(875.934.724.421)	(486.020.734.073)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		756.148.759.713	354.984.948.662
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.446.519.886	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.379.527.741	29.962.009.744
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.402.432.281)	(118.903.365.183)

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.540.477.288)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		376.340.920.400	343.648.696.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(466.375.958.400)	(288.386.342.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(183.795.777.000)	(328.945.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(273.830.815.000)	49.392.931.712
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		36.210.391.791	161.286.009.301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>126.499.741.314</b>	<b>36.210.391.791</b>



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
 Kế toán trưởng



NGUYỄN BÁ CHỦ  
 Tổng Giám đốc  
 Tây Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh.

Khi mới thành lập, Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.

Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22 tháng 5 năm 2000, kể từ năm 2000, Công ty đã được chấp thuận chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, tỉnh Réunion, Cộng hoà Pháp thành lập.

Ngày 23 tháng 3 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23 tháng 3 năm 2007, điều chỉnh lần thứ 7 ngày 31 tháng 12 năm 2010, theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 1.419.258.000.000 VND, bao gồm 141.925.800 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo quyết định số 27/QĐ-SGDCKHCM của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 02 năm 2008, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau :

- Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông;
- Mã chứng khoán : SBT
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu : 44.824.172 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá : 448.241.720.000 đồng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2008, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

Theo giấy chứng nhận đầu tư, hoạt động của Công ty là :

- Sản xuất đường;
- Sản xuất điện;
- Trồng mía;

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng;
- Xây dựng và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Gia công cơ khí (các thiết bị trong ngành mía đường);
- Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường, các sản phẩm phụ, sản xuất điện; đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng mía.

Thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư ngày 15 tháng 7 năm 1995; Và Công ty chính thức đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 11 năm 1998.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện và thương mại được đặt tại lầu 10, Tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 627 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 616 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ

được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Công cụ và dụng cụ	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Phế liệu (mật rỉ)	- giá thực tế có thể bán được.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.
CP sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoàn thành công việc.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 10 đến 30 năm
Máy móc thiết bị	từ 6 đến 20 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	từ 3 đến 5 năm

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Chi phí giải tỏa đất và phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ như sau :

Chi phí giải tỏa đất	từ 40 đến 48 năm
Phần mềm kế toán	từ 3 đến 6 năm

### 3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm máy móc thiết bị chưa được nghiệm thu và tạm trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

### 3.8 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

#### Các khoản đầu tư nông dân

Các khoản đầu tư nông dân thể hiện các khoản cho vay, cấp vốn cho nông dân để trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá.

Dự phòng được lập cho các khoản vay mà khả năng thu hồi không chắc chắn, trong đó :

Khoản đầu tư quá hạn :	Mức lập dự phòng
Từ 3 năm	100% khoản nợ quá hạn
Từ 2 đến dưới 3 năm	70% khoản nợ quá hạn
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% khoản nợ quá hạn
Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	30% khoản nợ quá hạn

#### Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản mua cổ phiếu. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư bị giảm giá.

### 3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện trên bảng cân đối kế toán là tiền thuê đất trả trước và sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất trả trước.

### 3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

### 3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 3.12 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 16% và 6% trừ lương công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% trừ lương công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% trừ lương công nhân viên.

### 3.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu :

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### 3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty cổ phần Bourbon An Hòa	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần SX TM Thành Thành Công	Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Đặng Thành	Việt Nam	Chủ sở hữu
Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh)	Việt Nam	Bên liên quan
Group Bourbon (đến ngày 3 tháng 12 năm 2010)	Pháp	Chủ sở hữu

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.243.409.562	5.609.505.090
Tiền gửi ngân hàng - VND	3.608.748.154	30.135.598.169
Tiền gửi ngân hàng - USD	223.260.154	465.288.532
Tiền gửi ngân hàng - kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	121.424.323.444	-
	<b>126.499.741.314</b>	<b>36.210.391.791</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 11.792,74 USD tương đương 223.260.154 VND.

## 4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Phải thu thương mại	(a)	81.021.981.344	65.614.618.849
Ứng trước cho nhà cung cấp	(b)	21.683.629.404	7.341.544.375
Phải thu khác	(c)	171.998.988.117	60.867.466.346
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(d)	(480.225.243)	(403.142.023)
		<b>274.224.373.622</b>	<b>133.420.487.547</b>

(a): Đây là các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó :

		31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
Phải thu thương mại - bên liên quan		752.580.000	-
Phải thu thương mại - bên thứ ba		80.269.401.344	65.614.618.849
		<b>81.021.981.344</b>	<b>65.614.618.849</b>

(b): Đây là các khoản phải ứng trước cho nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư và các dịch vụ cho Công ty, chi tiết như sau :

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp trong nước		8.356.632.993	3.435.857.632
Ứng trước cho nhà cung cấp nước ngoài		846.380.259	699.237
Ứng trước cho nông dân/mua mía		12.480.616.152	3.904.987.506
		<b>21.683.629.404</b>	<b>7.341.544.375</b>

(c): Bao gồm :

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Ngân hàng /Lãi dự thu		19.207.572.301	901.319.832
Cho Công ty CP Việt Âu mượn tiền		55.000.000.000	55.000.000.000
Cho Công ty Bourbon An Hòa mượn tiền		93.652.000.000	-
Phải thu Jaccar Holding khoản chi hộ tiền mua cổ phiếu của nhân viên Công ty		1.017.343.909	2.276.950.940
Phân Baconco dùng cho đầu tư vùng nguyên liệu để tại các đại lý		1.166.834.831	1.803.089.887
Các khoản khác		1.955.237.076	886.105.687
		<b>171.998.988.117</b>	<b>60.867.466.346</b>

Khoản tiền cho Công ty cổ phần Bourbon An Hòa (Công ty liên kết) mượn theo hợp đồng số ngày 4 tháng 5 năm 2010 trong thời hạn 6 tháng; lãi suất 13%/năm và không có thế chấp.

Khoản tiền cho Công ty cổ phần Việt Âu không có lãi suất, không thế chấp và không xác định thời hạn.

(d): Dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau

	Số dư 31/12/2010	Trong đó: nợ khó đòi	Tỷ lệ DP	Lập dự phòng nợ khó đòi
	VND	VND	%	VND
Phải thu khách hàng	81.021.981.344	-	-	-
Trả trước cho nhà cung cấp	21.683.629.404	279.991.594	100%	279.991.594
Các khoản phải thu khác	171.998.988.117	200.233.648	100%	200.233.648
	<b>274.704.598.865</b>	<b>480.225.242</b>		<b>480.225.242</b>

Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau :

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	403.142.023	588.596.004
Trích lập dự phòng	77.083.220	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(185.453.981)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>480.225.243</b>	<b>403.142.023</b>

### 4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	31.406.894.423	31.083.682.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.623.132.249	17.537.854.553
Thành phẩm tồn kho/ đường	203.581.571.324	209.099.572.607
Thành phẩm tồn kho/ mật	34.470.260.754	39.772.037.250
Hàng hoá/đường	1.970.198.750	6.525.647.261
Dự phòng giảm giá vật tư chậm luân chuyển	(4.261.075.649)	(4.261.075.649)
	<b>291.790.981.851</b>	<b>299.757.718.522</b>

Nguyên vật liệu bao gồm nhiên liệu, hóa chất, bao bì, vật tư, phụ tùng thay thế và công cụ dụng cụ.

Chi phí sản xuất dở dang bao gồm :

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hom mía trên đồng	357.705.046	261.480.989
Đường	20.177.162.349	13.379.441.064
Mật	4.085.869.854	3.896.932.500
Đường túi gia công đóng gói	2.395.000	-
	<b>24.623.132.249</b>	<b>17.537.854.553</b>



Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau :

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.261.075.649	4.261.075.649
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	<b>4.261.075.649</b>	<b>4.261.075.649</b>

#### 4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	6.103.201.746	2.503.048.431
Ký quỹ ngắn hạn	326.430.000	1.600.000
	<b>6.429.631.746</b>	<b>2.504.648.431</b>

#### 4.5 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho Công ty CP Bourbon An Hòa mượn	100.000.000.000	100.000.000.000

Khoản tiền cho Công ty cổ phần Bourbon An Hòa (Công ty liên kết) mượn theo hợp đồng số 01/2009/BAC-HĐVV ngày 5 tháng 5 năm 2009 trong thời hạn 4 năm (từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2013); lãi suất là 0,8%/tháng và không có thế chấp.

**4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2010	274.188.056.452	1.190.488.410.852	12.895.266.678	6.934.953.868	58.781.846.147	1.543.288.533.997
Tăng trong năm	-	721.561.990	1.141.121.017	425.449.703	-	2.288.132.710
Giảm/Thanh lý	-	-	(1.977.838.658)	(94.007.572)	-	(2.071.846.230)
Vào ngày 31/12/2010	274.188.056.452	1.191.209.972.842	12.058.549.037	7.266.395.999	58.781.846.147	1.543.504.820.477
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2010	106.875.460.288	679.485.106.123	7.775.049.660	6.478.779.716	47.458.185.164	848.072.580.951
Khấu hao trong năm	9.729.609.146	58.191.851.314	1.258.930.424	244.616.788	2.990.727.916	72.415.735.588
Giảm/Thanh lý	-	-	(1.037.588.931)	(62.696.909)	-	(1.100.285.840)
Vào ngày 31/12/2010	116.605.069.434	737.676.957.437	7.996.391.153	6.660.699.595	50.448.913.080	919.388.030.699
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2010	167.312.596.164	511.003.304.729	5.120.217.018	456.174.152	11.323.660.983	695.215.953.046
Vào ngày 31/12/2010	157.582.987.018	453.533.015.405	4.062.157.884	605.696.404	8.332.933.067	624.116.789.778

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 156.863.219.904 VND.

#### 4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải toả đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2010	1.775.013.197	2.897.329.200	4.672.342.397
Tăng trong năm	-	81.000.000	81.000.000
Vào ngày 31/12/2010	1.775.013.197	2.978.329.200	4.753.342.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2010	442.065.189	1.909.868.324	2.351.933.513
Khấu hao trong năm	39.586.308	306.417.679	346.003.987
Vào ngày 31/12/2010	481.651.497	2.216.286.003	2.697.937.500
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2010	1.332.948.008	987.460.876	2.320.408.884
Vào ngày 31/12/2010	1.293.361.700	762.043.197	2.055.404.897

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.102.551.398 VND.

#### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hệ thống cấp thoát nước (thiết bị tưới)	6.084.829.602	6.084.829.602
Dự phòng giảm giá thiết bị tưới	(6.084.829.602)	(4.056.553.068)
Chi phí XD CB dở dang tại Làng Bourbon	68.722.000	68.722.000
Các hạng mục khác/ sửa chữa TSCĐ	5.061.510.890	212.836.330
Tháp giải nhiệt mới C6 và C3	11.400.708.774	11.106.147.447
Dự phòng khấu hao tháp giải nhiệt C6 và C3	(1.140.070.877)	-
Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Tây Ninh	38.758.337.960	38.425.057.242
	<b>54.149.208.747</b>	<b>51.841.039.553</b>

Hạng mục tháp giải nhiệt mới C3 và C6 đã đưa vào sử dụng từ đầu năm 2010 nhưng chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu để ghi tăng tài sản cố định.

#### 4.9 Đầu tư vào công ty liên kết

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Đầu tư vào Công ty CP Bourbon An Hòa	(a)	245.000.000.000	245.000.000.000
Đầu tư vào Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống	(b)	4.800.000.000	4.800.000.000
		<b>249.800.000.000</b>	<b>249.800.000.000</b>

(a): Giá trị góp vốn vào Công ty cổ phần Bourbon An Hòa là 245 tỷ VND để nắm giữ 24.500.000 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ của công ty này theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3900471864 do Sở kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Việc đầu tư này đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo quyết định số 01/08/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2008. Hiện nay, Công ty mới đi vào hoạt động xây dựng và khai thác khu công nghiệp.

(b): Đây là giá trị góp vốn vào Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống (Trung tâm trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Mía đường Tây Ninh) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh, trong đó Công ty góp 80% vốn của Trung tâm này theo Biên bản cuộc họp ngày 02 tháng 6 năm 2009. Lợi nhuận của trung tâm sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

#### 4.10 Các khoản đầu tư khác ngắn hạn và dài hạn

##### Phân loại theo thời gian

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		
Đầu tư người trồng mía	151.579.971.986	111.293.675.895
Đầu tư khác	179.476.826	213.304.035
	151.759.448.812	111.506.979.930
Còn lại	140.250.938.937	104.223.964.741
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>		
Mua cổ phiếu	59.714.196.130	117.642.500.000
Đầu tư người trồng mía	38.249.375.354	52.517.035.749
Đầu tư khác	732.827.147	583.670.926
	98.696.398.631	170.743.206.675
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(16.475.452.987)	(16.508.230.902)
Còn lại	82.220.945.644	154.234.975.773
	<b>222.471.884.581</b>	<b>258.458.940.514</b>

##### Phân loại theo tính chất

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư người trồng mía	189.829.347.340	163.810.711.644
Trồng mía	117.941.293.033	90.083.274.829
Mua đất và thuê đất trồng mía	71.888.054.307	73.727.436.815
Mua cổ phiếu (a)	59.714.196.130	117.642.500.000
Đầu tư khác	912.303.973	796.974.961
Chi phí đầu tư Làng Bourbon (LBB)	702.699.297	547.424.297
Cho nhân viên vay xây nhà tại LBB	209.604.676	249.550.664
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (b)	(27.983.962.862)	(23.791.246.091)
	<b>222.471.884.581</b>	<b>258.458.940.514</b>

(a) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản đầu tư dài hạn của Công ty – mua cổ phiếu của các công ty khác bao gồm :

	Số cổ phiếu nắm giữ	Mệnh giá VND	Giá trị đầu tư ban đầu VND
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL)	342.000	10.000	24.714.196.130
Tổng Công ty cổ phần rượu – bia – nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	500.000	10.000	35.000.000.000
	<b>842.000</b>		<b>59.714.196.130</b>

(b): Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau :

	Giá trị đầu tư/phải thu 31/12/2010 VND	Dự phòng 31/12/2010 VND
<b>Đầu tư người trồng mía</b>		
Trồng mía	117.941.293.033	11.508.509.875
Vụ 07/08 trở về trước	21.127.975.369	11.508.509.875
Vụ 08/09 đến 11/12	96.813.317.664	-
Mua/ thuê đất trồng mía	71.888.054.307	3.765.848.311
Mua đất (nông dân)	2.336.117.716	829.999.336
Thuê đất (nông dân)	67.639.006.557	2.935.848.975
Mua đất (nhân viên Công ty)	1.912.930.034	-
	<b>189.829.347.340</b>	<b>15.274.358.186</b>
<b>Cổ phiếu</b>		
Cổ phiếu HAGL	24.714.196.130	-
Cổ phiếu Sabeco	35.000.000.000	12.500.000.000
	<b>59.714.196.130</b>	<b>12.500.000.000</b>
<b>Đầu tư khác</b>		
Chi phí đầu tư Làng Bourbon	702.699.297	-
Nhân viên vay xây nhà	209.604.676	209.604.676
	<b>912.303.973</b>	<b>209.604.676</b>
	<b>250.455.847.443</b>	<b>27.983.962.862</b>
<b>Trong đó :</b>		
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn đến hạn thu hồi		11.508.509.875
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn		16.475.452.987

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau :

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	23.791.246.091	53.372.571.389
Trích lập dự phòng trong năm	4.192.716.771	8.695.174.702
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(38.276.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.983.962.862</b>	<b>23.791.246.091</b>

#### 4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền thuê đất trả trước	5.117.418.940	5.265.571.000
CP công cụ, dụng cụ chờ kết chuyển	-	414.736.721
Chi phí bảo trì chờ kết chuyển	-	427.378.005
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía vụ 09/11	-	10.236.698.751
	<b>5.117.418.940</b>	<b>16.344.384.477</b>

#### 4.12 Phải trả người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Người bán mía	37.916.010.741	21.889.128.196
Các nhà cung cấp khác	6.945.086.112	12.808.802.256
	<b>44.861.096.853</b>	<b>34.697.930.452</b>

#### 4.13 Người mua ứng trước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Người mua ứng trước – bên liên quan	16.480.900.000	2.757.236.300
Người mua ứng trước – bên thứ ba	16.222.895.939	2.364.285.384
	<b>32.703.795.939</b>	<b>5.121.521.684</b>

#### 4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.500.176.916	2.893.718.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.527.792.678	9.732.547.831
Thuế thu nhập cá nhân	817.905.320	114.951.400
Thuế nhà thầu	975.000.000	-
	<b>21.820.874.914</b>	<b>12.741.217.824</b>

#### 4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	238.566.566	333.755.457
Lương phép phải trả cho nhân viên	542.705.840	720.572.080
Phải trả nông dân/tiền mía, thưởng	18.736.127.800	12.413.257.100
Chi phí vận chuyển, bốc xếp phải trả	533.092.642	934.551.321
Các chi phí phải trả khác	606.897.656	1.579.965.511
	<b>20.657.390.504</b>	<b>15.982.101.469</b>

#### 4.16 Phải trả khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Doanh thu cho thuê nhận trước	-	62.500.000
Nhận ký quỹ	28.000.000	52.000.000
Phải trả nông dân/ công đồn và vận chuyển	10.733.554.218	8.273.391.828
Cổ tức phải trả	-	176.281.000
Thu hộ Trung tâm mía giống – bên liên quan	2.473.560.396	847.252.457
Các khoản phải trả khác	319.667.213	68.747.263
	<b>13.554.781.827</b>	<b>9.480.172.548</b>

#### 4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.101.987.865	740.046.192
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	13.602.021.828	815.241.570
Sử dụng quỹ trong năm	(14.151.168.454)	(453.299.897)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>552.841.239</b>	<b>1.101.987.865</b>

#### 4.18 Vay dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	22.670.247.000	25.056.589.000
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.386.342.000)	(2.386.342.000)
	<b>20.283.905.000</b>	<b>22.670.247.000</b>

Đây là số dư của khoản vay theo hợp đồng số 01/HDTD ngày 17 tháng 11 năm 1999 và phụ kiện hợp đồng số 04/PKHDTD-MĐ ngày 18 tháng 5 năm 2005 :

- Tổng số tiền được vay là 36 tỷ đồng (nguồn gốc từ vốn AFD : Quỹ phát triển của Pháp), với lãi suất 4,62%/năm,
- Thời hạn vay là 20 năm (từ 06 tháng 01 năm 2000 đến 10 tháng 4 năm 2020), trong đó có 5 năm ân hạn, mỗi năm trả nợ gốc 2 lần vào các ngày 10/4 và 10/10.
- Khoản vay này được sử dụng để tài trợ chi phí đầu tư để trồng 4.500 ha của hộ nông dân thuộc quản lý của Công ty.
- Khoản vay này đến hạn phải trả là 2.386.342.000 VND.

#### 4.19 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.848.771.290	6.552.669.085
Trích lập (hoàn nhập) quỹ	162.366.210	(703.897.795)
Sử dụng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.011.137.500</b>	<b>5.848.771.290</b>

#### 4.20 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước						
Số dư 01/01/2009	1.419.258.000.000	-	5.529.454.297	9.566.072.995	10.561.257.092	1.444.914.784.384
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	210.017.128.107	210.017.128.107
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	4.076.207.855	(4.076.207.855)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(815.241.570)	(815.241.570)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.540.477.288)	-	-	-	(5.540.477.288)
Chi quỹ	-	-	(243.000.000)	-	-	(243.000.000)
<b>Số dư 31/12/2009</b>			<b>5.286.454.297</b>	<b>13.642.280.850</b>	<b>215.686.935.774</b>	<b>1.648.333.193.633</b>
Năm nay						
Số dư 01/01/2010	1.419.258.000.000	(5.540.477.288)	5.286.454.297	13.642.280.850	215.686.935.774	1.648.333.193.633
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	345.232.091.195	345.232.091.195
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	10.500.856.405	(10.500.856.405)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(13.602.021.828)	(13.602.021.828)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(183.619.496.000)	(183.619.496.000)
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung (*)	-	-	-	-	(6.391.099.040)	(6.391.099.040)
Chi quỹ	-	-	(350.012.000)	-	-	(350.012.000)
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>1.419.258.000.000</b>	<b>(5.540.477.288)</b>	<b>4.936.442.297</b>	<b>24.143.137.255</b>	<b>346.805.553.696</b>	<b>1.789.602.655.960</b>

(\*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho năm 2009 theo biên bản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước đối với Công ty. Khoản điều chỉnh nộp bổ sung này chủ yếu liên quan đến khoản lãi từ hoạt động đầu tư nông dân mà trong năm 2009 Công ty đã ước tính và ghi nhận trên cơ sở thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi như trong các năm trước, tuy nhiên, cơ quan thuế cho rằng khoản thu nhập này trong năm 2009 phải được tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông.



## 4.20 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2010	2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(6.734.700.000)	(6.734.700.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	1.412.523.300.000	1.412.523.300.000
<b>Đã chi trả cổ tức trong năm</b>	<b>183.619.496.000</b>	-

Vào tháng 12 năm 2010, Group Bourbon đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của mình (chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty) cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thành Thành Công, Công ty TNHH Đặng Thành và Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

### Cổ phiếu phổ thông

	2010	2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	141.925.800	141.925.800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	141.925.800	141.925.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(673.470)	(673.470)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.252.330	141.252.330
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Cổ phiếu ưu đãi : không có.

## 4.21 Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán – Nợ khó đòi đã xử lý

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.983.132.519	5.003.456.299
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Đã thu hồi	(69.480.856)	(20.323.780)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.913.651.663</b>	<b>4.983.132.519</b>

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 5.1 Doanh thu

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu bán đường	988.799.371.266	700.360.909.099
Doanh thu bán mật	85.325.295.047	40.006.803.410
Doanh thu bán điện	26.306.394.479	25.315.388.607
Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	1.438.080.751	3.635.174.500
Doanh thu khác	3.927.387.523	2.488.315.190
Trừ : Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.544.616.185)	(1.189.456.406)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.104.251.912.881</b>	<b>770.617.134.400</b>

### 5.2 Giá vốn hàng bán

	2010	2009
	VND	VND
Giá vốn đường	609.536.423.504	501.643.957.535
Giá vốn mật	84.771.826.944	39.300.857.201
Giá vốn điện	25.252.773.355	25.315.388.607
Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	904.622.309	1.486.168.382
	<b>720.465.646.112</b>	<b>567.746.371.725</b>

### 5.3 Doanh thu tài chính

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng	19.515.101.392	2.187.143.821
Lãi đầu tư nông dân	19.503.605.917	23.260.663.921
Lợi nhuận, cổ tức nhận được	1.890.457.930	5.108.746.322
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.812.401	108.800.591
Thu lãi bán hàng trả chậm	108.193.262	354.415.000
Lãi cho vay	2.776.614.971	809.866.667
Thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	10.618.426.130	-
	<b>54.492.212.003</b>	<b>31.829.636.322</b>

### 5.4 Chi phí tài chính

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.966.300.958	7.706.175.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá	798.619.225	383.426.184
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.192.716.771	(29.581.325.298)
Chi phí chuyển nhượng chứng khoán	100.210.114	-
Chi phí khác	237.234.100	15.180.000
	<b>25.295.081.168</b>	<b>(21.476.543.791)</b>

## 5.5 Chi phí bán hàng

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.006.353.402	2.573.173.559
Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu khác	46.738.941	78.009.131
Chi phí khấu hao tài sản	1.567.837.439	1.571.357.513
Chi phí thuê nhà, kho	938.879.648	866.482.565
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	8.223.652.324	8.639.898.755
Chi phí khác	3.092.304.558	948.212.818
	<b>16.875.766.312</b>	<b>14.677.134.341</b>

## 5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.442.274.964	8.098.278.074
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	994.575.327	732.396.377
Chi phí khấu hao tài sản	1.777.789.584	1.741.490.091
Điện thoại, điện, nước, sửa chữa, bảo hiểm	1.023.638.860	801.148.205
Chi phí thuê/mướn (xe, bảo vệ,..)	1.471.288.157	1.304.527.387
Chi phí tiếp khách, công tác, đào tạo	2.732.923.491	1.059.431.546
Phí ngân hàng	197.192.529	222.051.833
(Hoàn nhập)/dự phòng nợ khó đòi	77.083.220	(185.453.981)
Thuế, phí và lệ phí	(217.111.339)	299.060.013
Chi phí khác	5.714.776.347	4.698.914.009
	<b>26.214.431.140</b>	<b>18.771.843.554</b>

## 5.7 Lợi nhuận khác

	2010	2009
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	396.927.263	3.146.273.345
Thu nhập khác	69.492.643	26.476.129
	<b>466.419.906</b>	<b>3.172.749.474</b>

## 5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN bằng 10% lợi nhuận thu được trong suốt thời gian hoạt động và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm kể từ năm kinh doanh có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011) đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	370.359.620.058	225.900.714.367
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ: Lợi nhuận không chịu thuế (cổ tức)	(1.221.868.029)	(5.108.746.322)
Lợi nhuận tính thuế	369.137.752.029	220.791.968.045
Thuế suất	5% và 25%	5% và 25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>25.127.528.863</b>	<b>15.883.586.260</b>

Đây là khoản dự trừ thuế TNDN phải nộp. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán của cơ quan thuế với khoản dự trừ thuế, nếu có, sẽ được Công ty điều chỉnh sau khi phát sinh.

## 5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	345.232.091.195	210.017.128.107
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	345.232.091.195	210.017.128.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	141.252.330 CP	141.476.709 CP
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.444</b>	<b>1.484</b>

## 6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty cổ phần SX TM Thành Thành Công	Bán hàng	121.830.346.388
	Góp vốn (mệnh giá)	351.976.000.000
Công ty TNHH Đặng Thành	Bán hàng	1.647.380.953
	Góp vốn (mệnh giá)	350.556.700.000
Công ty cổ phần Bourbon An Hòa	Cho mượn tiền	93.652.000.000
	Lãi	19.207.572.301
Group Bourbon	Phí chuyển giao công nghệ	9.750.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp (mệnh giá)	723.820.000.000
TT khảo nghiệm và sản xuất mía giống	Mua hom giống	2.823.007.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Công ty cổ phần SX TM Thành Thành Công	Phải thu tiền bán hàng	752.580.000
	Ứng trước tiền mua hàng	(6.860.650.000)
Công ty TNHH Đặng Thành	Ứng trước tiền mua hàng	(9.620.250.000)
Công ty cổ phần Bourbon An Hòa	Cho mượn tiền	193.652.000.000
TT khảo nghiệm và sản xuất mía giống	Phải trả tiền thu hộ	(2.473.560.396)

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2010





## CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH (SBT)

### **Trụ sở:**

Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tel: (84-66) 3 753 250

Fax: (84-66) 3 839 834

Email: sbttninh@hcm.vnn.vn

Website: www.bourbontn.com.vn

### **Văn phòng thương mại:**

Phòng 10.3, lầu 10, tòa nhà Etown 2

364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, Tp. HCM

Tel: (84-8) 3 810 7269

Fax: (84-8) 3 810 9296

Email: bourbonsugar@vnn.vn